

Số: /BC-SNN

Lai Châu, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

Thực hiện văn bản số 2214/UBND-TH ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán NSNN năm 2024; Căn cứ Công văn số 1161/SKHĐT-THQH, ngày 20/6/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công năm 2024, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 như sau:

I. Tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2023

Trong 6 tháng đầu năm 2023, ngành Nông nghiệp và PTNT thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện vẫn còn một số khó khăn như: giá vật tư đầu vào cho sản xuất vẫn ở mức cao; đặc biệt là thời tiết khô hạn kéo dài gây cháy rừng, ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất và sinh trưởng, phát triển của cây trồng trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên dưới sự chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các ngành chức năng, UBND các huyện, Thành phố và Nhân dân đã tập trung chỉ đạo sản xuất, phát huy tối đa các nguồn lực, triển khai thực hiện có hiệu quả các Đề án, Nghị quyết để phát triển ngành, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, đảm bảo an sinh xã hội. Đến nay cơ bản các chỉ tiêu được giao bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định.

1. Sản xuất nông nghiệp

1.1. Trồng trọt

Trong 6 tháng đầu năm, người dân tích cực trồng trọt, gieo cấy và khắc phục những khó khăn do khô hạn kéo dài gây ra, kết quả:

- Tổng sản lượng thực có hạt ước đạt 47.440 tấn (thóc 37.940 tấn, ngô 9.500 tấn), đạt 21% KH, tăng 1.160 tấn so với cùng kỳ năm trước (CKNT).

+ Lúa đông xuân 2022- 2023: Diện tích gieo cấy 6.800 ha, đạt 100,2% KH, năng suất ước đạt 55,8 tạ/ha, tăng 0,3 tạ/ha so với CKNT; sản lượng ước đạt 37.940 tấn, đạt 100,1% KH.

Vụ Đông xuân 2022-2023 đã triển khai được 1.475 ha lúa hàng hóa tập trung sử dụng giống lúa chất lượng như: J02, Sóng cù, Hương thơm số 1, Nếp 97, DS1, Vass 16, BC 15, Nếp địa phương... tăng 188 ha so với CKNT, năng suất ước đạt 55,8 tạ/ha, sản lượng ước đạt 8.230 tấn. Có 03 HTX, Công ty tiếp tục thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm lúa đặc sản địa phương với quy mô 172,7 ha (81,7 ha Tẻ râu, 91 ha Vaas 16) tại huyện Tam Đường, Than Uyên, năng suất trung bình ước đạt 56 tạ/ha, sản lượng 967 tấn.

+ Lúa mùa: Diện tích gieo cấy ước đạt 18.000 ha (đạt 79,7%KH), tương đương CKNT.

+ Lúa nương: Ước thực hiện 1.475 ha, đạt 100% KH.

+ Cây ngô xuân hè: Diện tích đã gieo trồng 16.809 ha, đạt 103,4% KH, đã thu hoạch 2.500 ha, năng suất ước đạt 38 tạ/ha, sản lượng ước đạt 9.500 tấn, tăng 900 tấn so với CKNT.

- Cây chè: Tổng diện tích chè trên địa bàn tỉnh ước đạt 9.466 ha, diện tích chè kinh doanh 7.501 ha; sản lượng chè búp tươi ước đạt 24.500 tấn, đạt 47,1% KH, tăng 1.500 tấn so với CKNT. Trong 6 tháng đã chuyển đổi 30 ha chè già cỗi sang trồng dứa tại huyện Tân Uyên. Công tác chuẩn bị vật tư phục vụ trồng mới đảm bảo theo đúng kế hoạch, đến nay đã làm đất 226 ha, trồng mới 50 ha.

- Cây ăn quả: Tổng diện tích cây ăn quả ước đạt 8.408 ha, diện tích trồng mới 162 ha đạt 90% KH, tăng 72 ha so với cùng kỳ năm trước, sản lượng ước đạt 25.500 tấn, tăng 1.000 tấn so với CKNT.

1.2. Công tác chăn nuôi thú y, thủy sản

Nhìn chung tình hình chăn nuôi của tỉnh 6 tháng đầu năm tương đối ổn định, dịch bệnh xảy ra lẻ tẻ và đã khống chế kịp thời. Công tác chăn nuôi được người dân tích cực tái đàn để đảm bảo kế hoạch đề ra.

Tổng đàn gia súc chính đạt 346.380 con, đạt 90%/KH; trong đó: đàn trâu 93.130 con, đàn bò 24.650 con, đàn lợn 228.600 con. Tổng đàn gia cầm đạt 1.845 nghìn con, đạt 102%/KH. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại 10.300 tấn, đạt 57%/KH, trong đó thịt lợn 6.000 tấn.

Diện tích ao nuôi trồng thủy sản đạt toàn tỉnh đạt 1.001 ha, đạt 101%/KH; thể tích nuôi cá nước lạnh ước đạt: 26.750 m³ bể; thể tích nuôi cá lồng ước đạt 187.760 m³ lồng. Sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản ước đạt 1.190 tấn, đạt 32,2%/KH; trong đó: nuôi trồng 1.089 tấn, khai thác 101 tấn.

2. Sản xuất lâm nghiệp

Công tác trồng mới rừng tiếp tục được các đơn vị và các huyện, thành phố chỉ đạo sát sao, việc bảo vệ rừng được triển khai liên tục, đúng pháp luật, việc

chi trả dịch vụ môi trường rừng đúng định mức, góp phần nâng cao tỷ lệ che phủ rừng và tăng thu nhập của người dân.

- Thường xuyên đôn đốc các huyện, các Ban Quản lý Rừng phòng hộ huyện chuẩn bị tốt mọi điều kiện cần thiết cho công tác trồng rừng mới năm 2023: Đến nay đã chuẩn bị được 10.126.000 cây; trong đó: 8.386.000 cây Quế; 1.740.000 cây lâm nghiệp khác. Đã phát dọn thực bì được 1.502 ha; trong đó: Trồng rừng phòng hộ 134 ha, trồng rừng sản xuất 1.368 ha (Quế 1.256 ha, cây gỗ lớn 112 ha). Triển khai thực hiện cuộc hồ được 79 ha, trong đó: Trồng rừng phòng hộ 20 ha, trồng rừng sản xuất 59 ha (Quế 53 ha, cây gỗ lớn 6 ha). Về xây dựng hồ sơ: Hiện tại Ban quản lý rừng phòng hộ các huyện đang tiến hành rà soát, đo đạc quy chủ với diện tích 2.216 ha, trong đó: Trồng rừng phòng hộ 208 ha, trồng rừng sản xuất 2.008 ha (Quế 1.657 ha, cây lâm nghiệp khác 351 ha). Đã phê duyệt xong Hồ sơ thiết kế kỹ thuật trồng rừng của các huyện Mường Tè (trồng Quế), Nậm Nhùn (trồng rừng phòng hộ, trồng Quế), Phong Thổ (trồng gỗ lớn, trồng rừng phòng hộ); Sìn Hồ với diện tích 1.109 ha, trong đó trồng rừng phòng hộ: 72 ha, trồng rừng sản xuất 1.037 ha (Quế 1.025 ha, cây gỗ lớn 12ha).

- Ước thực hiện hết tháng 6 trồng mới được 141 ha rừng, trong đó trồng rừng phòng hộ 12 ha; trồng Quế 84 ha; trồng cây gỗ lớn 45 ha.

- Thực hiện chăm sóc 12.944 ha cây cao su. Đến nay diện tích cao su cho khai thác mủ đạt 10.353 ha. Sản lượng khai thác ước đạt trên 1.900 tấn mủ khô.

- Tổng diện tích rừng được chi trả DVMTR năm 2022 là 450.536,65 ha, trong đó: Chủ rừng là Doanh nghiệp (05 đơn vị) 307,7 ha, chủ rừng là Ban quản lý rừng phòng hộ (07 đơn vị) 210.951,5 ha, chủ rừng là cộng đồng dân cư (07 cộng đồng) 1.992,2 ha, UBND cấp xã (106 xã, phường, thị trấn) 237.285,3 ha.

- Kết quả thu, chi tiền DVMTR: Kết quả thu (thu kế hoạch năm 2023) là 88.000 triệu đồng, trong đó: Thu từ quỹ Trung ương 71.032 triệu đồng; thu nội tỉnh 16.820 triệu đồng; lãi tiền gửi 148 triệu đồng. Hoàn thành chi trả dịch vụ môi trường rừng 2022, kết quả chi là 467.338 triệu đồng, trong đó: chi trả cho kế hoạch năm 2022 là 460.639 triệu đồng (Tổng chi lũy kế kế hoạch năm 2022 là 515.855 triệu đồng); chi theo kế hoạch năm 2023 là 6.699 triệu đồng.

3. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và OCOP

- Tham mưu ban hành Nghị Quyết quy định một số nội dung mức hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn triển khai thực hiện kế hoạch năm 2023.

- Kiểm tra rà soát các chỉ tiêu tiêu chí nông thôn mới và kiểm tra kế hoạch triển khai năm 2023 của các huyện, thành phố. Xây dựng sổ tay hướng dẫn bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, huyện đạt

chuẩn nông thôn mới. Xây dựng hướng dẫn quy trình công nhận thôn bản đạt chuẩn nông thôn mới. Triển khai kế hoạch tuyên truyền, tập huấn năm 2023.

- Về kết quả theo bộ tiêu chí Quốc gia về NTM, tỉnh Lai Châu đạt bình quân 12,5 tiêu chí/xã. Số xã đạt 19 tiêu chí: 39 xã; Số xã đạt 15- 18 tiêu chí: 0 xã; Số xã đạt 10-14 tiêu chí: 14 xã; Số xã đạt 5-9 tiêu chí: 41 xã.

- Xây dựng Hướng dẫn thực hiện điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP; Ban hành văn bản đôn đốc, hướng dẫn triển khai Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm. Xây dựng kế hoạch kiểm tra việc duy trì các chỉ tiêu, tiêu chí về chất lượng các sản phẩm OCOP đã được công nhận.

- Tổng hợp nhu cầu đăng ký các sản phẩm tham gia thực hiện chương trình OCOP năm 2023; Tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ các chủ thể trình tự các bước xây dựng hồ sơ, phát triển sản phẩm để tham gia các đợt đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP năm 2023. Xây dựng ấn phẩm thông tin một số hình ảnh sản phẩm OCOP tỉnh Lai Châu (thông tin, câu chuyện sản phẩm, hình ảnh sản phẩm) để giới thiệu, quảng bá.

4. Công tác thủy lợi - phòng chống lũ, bão và nước sạch VSMT

- Tính đến nay, toàn tỉnh có 998 công trình thủy lợi (Công ty thủy nông tỉnh quản lý 96 công trình, các công trình còn lại do các huyện, thành phố quản lý), trong đó có 05 hồ chứa, 993 công trình tưới tự chảy. Công trình kiên cố là 912 công trình; Công trình tạm là 86 công trình. Tổng chiều dài kênh mương là 2.298,1 km, trong đó có 1.781,3 km kiên cố, 516,8 km kênh tạm. 6 tháng đầu năm đã tổ chức thẩm định báo cáo KTKT 06 công Thủy lợi; Kiểm tra công tác nghiệm thu 01 công trình.

- Các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi tập trung nạo vét, sửa chữa, duy tu các công trình bị hư hỏng do mưa lũ năm 2022 để đảm bảo an toàn công trình trong mùa mưa lũ năm 2023. Đến nay các chủ đầu tư đã triển khai thi công xây dựng được 8 km kênh mương.

- Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân 2022 - 2023 được đảm bảo nước tưới từ công trình thủy lợi là 6.900 ha, tăng 50 ha so với vụ Đông Xuân 2021 - 2022.

- Đến nay toàn tỉnh có 801 công trình nước sạch nông thôn, trong đó: Số công trình đang hoạt động là 710 chiếm 88,7% cấp nước cho 66.820 hộ dân với 317.946 nhân khẩu, chiếm 79,08% dân số nông thôn. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ước đạt 88,7%. Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ước đạt 85,5%.

- Tổ chức ứng trực 24/24 giờ khi có diễn biến thời tiết bất thường xảy ra để nắm bắt tình hình thiên tai qua các thông tin đại chúng, triển khai các biện

pháp ứng phó kịp thời. Từ đầu năm 2023 đến nay trên địa bàn tỉnh xảy ra một số đợt thiên tai (01 đợt rét đậm, rét hại; 04 đợt mưa lớn, dông, lốc; 01 trận động đất) đã gây thiệt hại tài sản của Nhà nước và Nhân dân. Ước tổng thiệt hại trên 2 tỷ đồng.

- Về việc thực hiện các nhiệm vụ Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn: Hoàn khối lượng thi công 03 và giải ngân nguồn vốn đầu tư được cấp phát năm 2022 đạt 87%. Rà soát, lập hồ sơ trình thẩm định phê duyệt quyết toán 03 các công trình hoàn thành bàn giao năm 2021. Tổng số vốn được phép kéo dài thời gian thực hiện năm 2022 sang 2023 đến thời điểm báo cáo là 3.660 triệu đồng 100% là vốn cấp phát từ Ngân sách TW, hiện chưa giải ngân.

5. Công tác phát triển nông thôn

- Hiện toàn tỉnh có 172 HTX đang hoạt động lĩnh vực nông nghiệp (gồm 30 HTX trồng trọt; 24 HTX chăn nuôi; 04 HTX lâm nghiệp; 20 HTX thủy sản, 94 HTX nông nghiệp tổng hợp), tăng 37 HTX so với cùng kỳ năm 2022, trong đó thành phố Lai Châu 19 HTX, Tam Đường 26 HTX, Tân Uyên 21 HTX, Than Uyên 38 HTX, Phong Thổ 24 HTX, Sìn Hồ 8 HTX, Mường Tè 13 HTX Nậm Nhùn 23 HTX; Số HTX nông nghiệp thành lập mới 6 tháng đầu năm là 5 HTX (đạt 50% kế hoạch giao); Các HTX NN đã thu hút 1.548 thành viên, giải quyết việc làm cho 1.860 lao động, tăng 341 thành viên, 409 lao động so cùng kỳ năm 2022; tổng HTX nông nghiệp tham gia liên kết 31 HTX, chiếm 18% tổng số HTX NN; hiện có 35 HTX NN sở hữu 71/158 sản phẩm OCOP được UBND tỉnh công nhận, chiếm 44,9% tổng số sản phẩm OCOP toàn tỉnh.

- Đến nay, toàn tỉnh có 16 trang trại (gồm 5 trang trại trồng trọt; 4 trang trại chăn nuôi, 7 trang trại tổng hợp), trong đó Tân Uyên có 10 trang trại; Tam Đường có 01 trang trại; thành phố Lai Châu có 05 trang trại; tổng diện tích trong trang trại 67 ha, giải quyết việc làm thường xuyên cho 75 lao động.

- Kết quả thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn: Kế hoạch chỉ tiêu giao đào tạo nghề nông nghiệp năm 2023 là 4.815 chỉ tiêu. Kết quả đã tổ chức mở lớp được 21 lớp với 635 chỉ tiêu. Các huyện đã mở lớp gồm: Thành phố 2 lớp/60 chỉ tiêu; huyện Than Uyên 5 lớp/150 chỉ tiêu; huyện Mường Tè 12 lớp/365 chỉ tiêu; huyện Nậm Nhùn 2 lớp/60 chỉ tiêu; Các huyện Tam Đường, Phong Thổ, Sìn Hồ, Tân Uyên chưa mở lớp mới thẩm định xong định mức KTKT - Dự toán.

- Về ngành nghề nông thôn: Hiện toàn tỉnh có 04 làng nghề và 01 nghề truyền thống.

- Về xúc tiến thương mại: Tổ chức tham gia 01 Hội chợ (Hội chợ OCOP Quảng Ninh - Xuân 2023; với 04 gian hàng trên 100 sản phẩm tham gia trưng bày). Triển khai hành trình tìm kiếm và quảng bá TOP-BEST các sản phẩm OCOP bán chạy trên thị trường Việt Nam năm 2022-2023 (Đề xuất 3 đơn vị với

04 sản phẩm OCOP tỉnh Lai Châu; Triển khai Chương trình bình chọn Thương hiệu Vàng nông nghiệp Việt Nam 2023; Phối hợp xây dựng Chương trình Xúc tiến đầu tư năm 2024 và Kế hoạch xúc tiến thương mại năm 2024.

- Chương trình sắp xếp bố trí dân cư: Năm 2023, kế hoạch vốn giao 111.373 triệu đồng thực hiện chuyển tiếp 06 dự án (04 dự án vùng thiên tai và 02 dự án di cư tự do). Thực hiện giải ngân đến thời điểm báo cáo là 6.662 triệu đồng, đạt 6% kế hoạch.

- Tiến độ giải ngân nguồn vốn Chương trình MTQG:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Nội dung số 4):

Dự án 1: Hỗ trợ nước sinh hoạt, Trong đó, Nước sinh hoạt phân tán: Tổng số vốn đã được phân bổ đến nay là 6.840 triệu đồng vốn sự nghiệp ngân sách trung ương cho các huyện, trong đó năm 2022 là 1.710 triệu đồng; năm 2023 Là 5.130 triệu đồng. Đến thời điểm báo cáo đã giải ngân được 3.411 triệu đồng (đạt 49,87 %). Nước sinh hoạt tập trung: Giai đoạn 2021-2025 kế hoạch vốn giao từ ngân sách Trung ương là 139.623 triệu đồng; vốn đã được phân bổ năm 2022-2023 là 71.296 triệu đồng, trong đó năm 2022 là 48.560 triệu đồng; năm 2023 là 22.736 triệu đồng. Đến nay đã giải ngân được 50.637 triệu đồng (đạt 71 %).

Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: Giai đoạn 2021-2025 kế hoạch vốn giao từ ngân sách Trung ương là 150.624 triệu đồng (vốn đầu tư 149.446 triệu đồng, vốn sự nghiệp 1.178 triệu đồng) để triển khai thực hiện 11 dự án sắp xếp, bố trí ổn định cho 677 hộ dân trên địa bàn tỉnh. Trong đó giai đoạn năm 2021-2023 kế hoạch vốn đã giao là 62.961 triệu đồng để triển khai thực hiện 11 dự án/677 hộ. Thực hiện đến thời điểm báo cáo 26.125 triệu đồng đạt 41% kế hoạch vốn giao.

Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị: Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân thực hiện, giải ngân đến thời điểm báo cáo: Đã có 52 hộ thực hiện trồng được 58,34 ha rừng phòng hộ, 1.514 hộ thực hiện trồng rừng sản xuất được 780 ha, tổng kinh phí thực hiện, giải ngân 6.637 triệu đồng. Ước thực hiện năm 2023: Trồng rừng phòng hộ 145 ha; trồng rừng sản xuất 940 ha; ước kinh phí giải ngân 13.750 triệu đồng. Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện, giải ngân đến thời điểm báo cáo: 515 triệu đồng, bao gồm: Thực hiện các hoạt động thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với tổng kinh phí thực hiện 117 triệu đồng (vốn sự nghiệp); thực hiện đầu tư

cơ sở hạ tầng (làm đường) 01 dự án trồng dược liệu quý với tổng kinh phí thực hiện 398 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển).

+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo: Tổng vốn phân bổ từ năm 2021-2023 là 41.261 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương), năm 2023 phân bổ là 22.724 triệu đồng; Đến thời điểm báo cáo các đơn vị được giao vốn đang tiến hành khảo sát nhu cầu, lựa chọn đối tượng thụ hưởng để xây dựng dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, chưa giải ngân vốn.

6. Kết quả thực hiện các chỉ đạo của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh

Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với UBND các huyện, thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung của các Nghị quyết, Đề án, đảm bảo mục tiêu đề ra. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu 06 tháng đầu năm 2023 như sau:

a) Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/02/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

- Xây dựng văn bản sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Hướng dẫn số 2088/HD-SNN ngày 15/10/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND, ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung và Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND, ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Về trồng trọt: Các địa phương đã lồng ghép các nguồn vốn thực hiện được 1.475 ha lúa hàng hóa tập trung, trong đó: Diện tích đăng ký thực hiện hỗ trợ lúa hàng hóa tập trung theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND 601ha, đã nghiệm thu thanh toán 91 ha; trồng mới chè ước hết 30/6/2023 diện tích làm đất được 226 ha, trồng mới 50 ha; hỗ trợ trồng hoa địa lan: Có 10 doanh nghiệp, HTX, 01 tổ hợp tác, 294 hộ dân đăng ký hỗ trợ với số lượng 40.000 chậu; Trồng được 22.000 chậu địa lan tại huyện Sìn Hồ và Phong Thổ.

- Về chăn nuôi: Các huyện, thành phố đang triển khai cho người dân đăng ký, thực hiện các nội dung hỗ trợ. Số lượng dự kiến thực hiện: 13.441m² chuồng trại; 615m³ Biogas; 90,85ha cỏ; 1.220 thùng ong; Huyện Nậm Nhùn đang triển khai đăng ký thực hiện với số lượng dự kiến 89 lồng cá.

- Về Chương trình OCOP: Đến nay, toàn tỉnh đã có 158 sản phẩm của 71 chủ thể được công nhận sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên, gồm: 147 sản phẩm 3 sao; 11 sản phẩm 4 sao.

- Toàn tỉnh hiện có 43 cơ sở áp dụng nhà màng, nhà lưới với 30,8 ha (ươm giống và trồng Sâm 22,9 ha; trồng rau, quả các loại 3,2 ha; ươm giống cây mắc ca, cây chè 4,1 ha; trồng nấm Đông trùng hạ thảo 0,3 ha, chăn nuôi lợn 0,3 ha);

26 cơ sở áp dụng tưới tiết kiệm với 18,3 ha (ươm giống và trồng Sâm 0,2 ha; trồng rau, quả các loại 13,4 ha; ươm giống cây mắc ca, cây chè 4,7 ha).

- Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong sản xuất Diện tích được cấp giấy chứng nhận theo các quy trình kỹ thuật an toàn 289,7 ha, trong đó: Cây chè có 267,9 ha (20 ha được chứng nhận VietGAP; 220,9 ha chè được chứng nhận RA; 27 ha Chè hữu cơ); cây ăn quả 2,8 ha (1,6 ha bưởi, ổi không hạt; 1,2 ha dâu tây); 19,0 ha lúa tẻ tròn theo tiêu chuẩn VietGAP. Trong chăn nuôi, thủy sản: có 01 trang trại nuôi lợn quy mô 10.933,4 m² (sản lượng 9.000 con lợn giống và 900 tấn thịt lợn hơi/2 lứa/năm); 01 cơ sở nuôi cá nước lạnh thể tích 9.000 m³, sản lượng đạt 55 tấn/năm.

b) Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 03/02/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

- Công tác chuẩn bị cây giống: Đến thời điểm hiện trên địa bàn tỉnh đã chuẩn bị được 10.126.000 cây trong đó: Cây Quế: 8.386.000 cây, cây lâm nghiệp khác: 1.740.000 cây.

- Công tác chuẩn bị trồng rừng: Phát dọn thực bì: đến thời điểm hiện tại đã phát dọn thực bì được 1.502 ha, trong đó: trồng rừng phòng hộ 134 ha, trồng rừng sản xuất 1.368 ha (Quế 1.256 ha, cây gỗ lớn 112 ha); Đã triển khai cuộc hồ được 79 ha, trong đó trồng rừng phòng hộ 20 ha; trồng rừng sản xuất 59 ha (trồng quế 53 ha, cây gỗ lớn 6 ha).

- Ước thực hiện hết tháng 6 trồng mới được 141 ha rừng, trong đó trồng rừng phòng hộ 12 ha; trồng Quế 84 ha; trồng cây gỗ lớn 45 ha.

c) Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh

- Về trồng trọt: Diện tích đăng ký thực hiện liên kết 205 ha tại huyện Tam Đường (160 ha cây chanh leo; 45 ha lúa tẻ râu). Ước thực hiện 30/6/2023 đạt 177 ha (132 ha chanh leo, 45 ha lúa tẻ râu).

- Thực hiện kiểm tra việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ nông nghiệp tại các huyện, thành phố trên địa bàn toàn tỉnh. Tổng hợp Báo cáo kết quả triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND trên địa bàn toàn tỉnh.

- Tổng hợp đề xuất nhu cầu sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị quyết 13/2019/NQ-HĐND gửi Sở Kế Hoạch và Đầu Tư, sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

d) Nghị quyết số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh thông qua đề án phát triển một số cây dược liệu giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Trong 6 tháng đầu năm, chưa có tổ chức, cá nhân đề xuất hỗ trợ Sâm Lai Châu, Bảy lá 1 hoa, Lan kim tuyến theo Đề án được phê duyệt. Tuy nhiên đã thực hiện trồng 3,5 ha Sâm Lai Châu, 05 ha cây đương quy tại huyện Sìn Hồ và 0,24 ha đảng sâm ở huyện Mường Tè. Sở và các ngành đang tăng cường phối hợp với các huyện, hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở xây dựng các dự án liên kết trồng sâm trên địa bàn tỉnh.

e) Nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh thông qua đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và xã biên giới tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020 - 2025

- Về trồng trọt: Diện tích cây lương thực thực hiện 3.123 ha, năng suất ước đạt 52,5 tạ/ha, sản lượng ước đạt 16.400 tấn. Lúa mùa diện tích thực hiện ước đạt 14.000 ha. Ngô xuân hè: Diện tích thực hiện 11.225 ha. Cây ăn quả: Đã thực hiện trồng mới được 51,73 ha cây Chanh tại huyện Tam Đường. Cây dược liệu: Thực hiện trồng 3,5 ha Sâm Lai Châu, 04 ha cây đương quy tại huyện Sìn Hồ và 0,24 ha đảng sâm tại huyện Mường Tè. Cây chè: Diện tích trồng mới ước đạt 50 ha chè tập trung, tiếp tục chăm sóc diện tích 78 ha chè cổ thụ trồng năm 2021 và 2022. Thực hiện 04 mô hình khuyến nông về trồng trọt, trong đó: 02 mô hình trồng lúa thuần quy mô 31,8 ha, sử dụng giống lúa thuần VNR 20, TBR225 tại huyện Phong Thổ; 01 mô hình trồng khoai sọ quy mô 08 ha tại huyện Mường Tè, 01 mô hình cây đảng sâm quy mô 0,24 ha tại huyện Mường Tè.

- Về chăn nuôi: Tổng đàn gia súc chính ước đạt 210.300 con (đàn trâu 60.733 con, đàn bò 15.471 con, đàn lợn 134.096 con). Tổng đàn gia cầm 928.870 con.

- Về diện tích ao nuôi ước đạt 398 ha; thể tích nuôi cá lồng 70.848 m³; thể tích nuôi cá nước lạnh 3.087 m³ bể. Sản lượng nuôi trồng và khai thác 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 420 tấn (trong đó nuôi ao 215 tấn, lồng 145 tấn; nước lạnh 20 tấn; khai thác 40 tấn).

- Đến thời điểm hiện tại, tiến độ thực hiện chuẩn bị trồng rừng: phát dọn thực bì: 995 ha, trong đó (rừng phòng hộ: 84 ha, rừng sản xuất: 911 ha).

- Kết quả theo bộ tiêu chí Quốc gia về NTM, đạt bình quân 10,1 tiêu chí/xã. Số xã đạt 19 tiêu chí: 14 xã; Số xã đạt 15- 18 tiêu chí: 0 xã; Số xã đạt 10-14 tiêu chí: 10 xã; Số xã đạt 5-9 tiêu chí: 41 xã.

g) Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh thông qua đề án xây dựng nông thôn mới gắn với du lịch nông thôn tại một số bản trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020 - 2025

- Xây dựng kế hoạch và phối hợp với các huyện, thành phố kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới gắn với du lịch nông

thôn tại một số bản trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020-2025. (Kế hoạch số 24/KH-CCPTNT ngày 17/2/2023).

- Phối hợp làm việc với Ban biên tập Báo Nhân dân tại Lai Châu về kết quả triển khai thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới gắn với du lịch nông thôn tại một số bản trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020 - 2025.

- Tổng hợp và đề xuất phân bổ kinh phí thực hiện Đề án Du lịch gắn với nông thôn mới năm 2023 theo Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của UBND tỉnh. Tổng kinh phí đề nghị phân bổ 16.905 triệu đồng, trong đó nguồn kinh phí đầu tư 13.710 triệu đồng, nguồn sự nghiệp 3.195 triệu đồng.

h) Nghị quyết 66/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021 – 2025

- Về giao thông: UBND các huyện, thành phố đã triển khai khảo sát, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và hợp đồng thi công xây dựng các dự án để đảm bảo các mục tiêu, cụ thể: Đầu tư 8,73 km/9,5 km đường trục chính vùng lúa, đạt 91,89% mục tiêu; 24,5 km/24,5 km đường trục chính vùng chè, đạt 100% mục tiêu; 45 km/45 km đường nhánh vùng chè, đạt 100% mục tiêu; 53,88 km/50,5 km đường trục chính vùng cây ăn quả và vùng sản xuất tập trung theo liên kết, đạt 106,7% mục tiêu; 42,76 km/80 km vùng trồng quế, đạt 53,45% mục tiêu; 5,441 km/70 km vùng trồng cây gỗ lớn, đạt 7,8% mục tiêu.

- Về thủy lợi: UBND các huyện, thành phố đã triển khai các thủ tục để thực hiện đầu tư 08 dự án với quy mô kiên cố, nâng cấp 22 đập đầu mối và 41,847 km kênh mương.

7. Đánh giá chung

7.1. Một số kết quả nổi bật đã đạt được

Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch giao được triển khai đồng bộ, quyết liệt; trong 6 tháng đầu năm tình hình thực hiện kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp đã đạt được những kết quả nổi bật đó là:

- Sản lượng lúa Đông xuân tăng so với KH (tăng 1.160 tấn) góp phần đảm bảo an ninh lương thực.

- Một số địa phương đã sớm chủ động trong việc triển khai trồng mới cây ăn quả theo kế hoạch giao: diện tích trồng mới cây ăn quả nhanh hơn so với cùng kỳ năm trước.

- Mặc dù một số dịch bệnh vẫn xảy ra, nhưng công tác chỉ đạo tái đàn gia súc tại các địa phương được chỉ đạo triển khai quyết liệt, đưa tổng đàn gia súc chính ước đạt 346.380 con (đạt 98,1%/KH) tăng 22.900 con so với cùng kỳ năm trước; diện tích ao nuôi trồng thủy sản đạt 1.001 ha (đạt 100,9% KH).

- Công tác bảo vệ, phát triển rừng, chuẩn bị trồng rừng mới được chỉ đạo thực thực hiện tốt ngay từ đầu năm. Công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện sát sao nên đã đẩy nhanh được tiến độ chi trả tiền DVMTR cho người dân so với quy định.

- Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh đã đạt được một số kết quả nhất định: Sản xuất nông nghiệp có những chuyển biến tích cực; cơ sở hạ tầng tiếp tục được quan tâm đầu tư; giáo dục, đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe cho người dân được quan tâm, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được đẩy mạnh; an ninh chính trị, an ninh trật tự nông thôn tiếp tục được giữ vững; hệ thống chính trị cơ sở được tăng cường.

- Công tác di dân tái định cư được thực hiện tốt, nhân dân đến nơi ở mới có điều kiện tốt hơn nơi ở cũ, ổn định để phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo; đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội và giữ vững chủ quyền an ninh biên giới quốc gia.

7.2. Khó khăn, vướng mắc, hạn chế, yếu kém

Bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn tồn tại một số hạn chế, yếu kém cơ bản cần khắc phục, đó là:

- Tiến độ gieo trồng ngô xuân hè và trồng mới chè chậm so với cùng kỳ năm trước.

- Tiến độ trồng rừng mới còn chậm (141 ha), chậm hơn 316 ha so với cùng kỳ năm trước.

- Dù đã làm tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, tuy nhiên trong 6 tháng đầu năm còn xảy ra các vụ cháy rừng.

- Phương thức sản xuất chăn nuôi tuy đã có những chuyển biến tích cực tuy nhiên quá trình chuyển đổi còn chậm; phương thức chăn nuôi nhỏ lẻ nông hộ vẫn chiếm đa số (trên 99%); trình độ sản xuất còn lạc hậu, việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đầu tư cơ sở hạ tầng còn hạn chế. Sản phẩm đầu ra có sức cạnh tranh kém, vẫn chủ yếu tiêu thụ trong nội tỉnh.

- Các huyện, thành phố đã xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật, tuy nhiên công tác triển khai thực hiện tiêm phòng có huyện còn chậm, tỷ lệ tiêm vắc xin đạt thấp, đến nay mới đạt 32% so với cùng kỳ năm 2022.

7.3. Nguyên nhân

- Thời tiết diễn biến phức tạp, nắng nóng kéo dài trong tháng 4, tháng 5 ảnh hưởng đến tiến độ gieo trồng: toàn tỉnh có 1.810 ha ngô bị ảnh hưởng và thiệt hại trong đó có 255 ha phải gieo trồng lại.

- Cũng do thời tiết nắng nóng kéo dài trên diện rộng đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác chuẩn bị địa bàn trồng mới rừng. Mặt khác đây cũng là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các vụ cháy rừng đã xảy ra.

- Giá thức ăn công nghiệp liên tục biến động; thị trường tiêu thụ không ổn định khiến cho một số hộ, cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản hạn chế mở rộng quy mô sản xuất, có thời điểm chỉ duy trì sản xuất cầm chừng.

- Nhiều huyện, thành phố cân đối, bố trí kinh phí để triển khai tiêm phòng vắc xin định kỳ muộn.

8. Dự ước kết quả cả năm 2023

- Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp ước đạt 5,02%, đạt 100,4% KH.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt ước đạt 226.000 tấn, đạt 100,4% KH, trong đó: Lúa 151.320 tấn, đạt 100,1% KH; Ngô 74.680 tấn, đạt 101,2% KH.

- Tổng diện tích chè ước đạt 9.811 ha, sản lượng chè búp tươi ước đạt 53.000 tấn, đạt 101,9% KH; diện tích chè trồng mới 395 ha, đạt 100% KH.

- Tổng diện tích cây ăn quả ước đạt 8.456 ha, đạt 101% KH; Sản lượng cây ăn quả ước đạt 62.000 tấn, đạt 101,6% KH; Diện tích cây ăn quả trồng mới ước đạt 210 ha, đạt 116,7% KH.

- Tổng diện tích cây mắc ca ước đạt 7.363 ha, trong đó diện tích cho thu hoạch 3.170 ha, năng suất ước đạt 1,48 tấn/ha, sản lượng ước đạt 4.681 tấn.

- Duy trì 12.944 ha cao su hiện có, trong đó diện tích đưa vào khai thác mủ ước đạt 10.351 ha; Sản lượng mủ cao su khô ước đạt 10.393 tấn, đạt 114,2% KH.

- Tổng đàn gia súc ước đạt 353.350 con, đạt 100,1% KH, trong đó: Đàn trâu 93.130 con, đàn bò 24.920 con, đàn lợn 235.300 con; Tốc độ tăng đàn gia súc ước đạt 5%; Tổng đàn gia cầm ước đạt 1.809 nghìn con, đạt 100% KH; Tổng sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 18.100 tấn, đạt 100% KH.

- Diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 1.001 ha, đạt 100,9% KH; Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 3.700 tấn, đạt 100% KH, trong đó: Nuôi trồng 3.506 tấn, đánh bắt 194 tấn.

- Tỷ lệ che phủ rừng ước đạt 52,3%, đạt 100% KH; Tổng diện tích rừng hiện có 494.224 ha, đạt 100,02% KH, trong đó: Rừng tự nhiên 454.755 ha, rừng trồng 26.524 ha, cây cao su 12.944 ha; Diện tích rừng trồng mới ước đạt 2.250 ha, đạt 100% KH, trong đó: Quế 1.430 ha, cây lâm nghiệp khác 610 ha, rừng phòng hộ 210 ha.

- Duy trì 39 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng cao các tiêu chí nông thôn mới; Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí 7 xã, Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí 27 xã, Số xã đạt từ 5-9 tiêu chí 21 xã; Bình quân tiêu chí/xã ước đạt 13,9 tiêu chí/xã, đạt 100% KH; Tỷ lệ số xã đạt tiêu chuẩn NTM ước đạt 41,5%, đạt 100% KH.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh ước đạt 90%, đạt 100% KH; Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ước đạt 86,5% đạt 100% KH.

II. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2024

Năm 2024 là năm nước rút trong thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2022-2025 của tỉnh. Để hoàn thành các mục tiêu được giao, ngành nông nghiệp xác định các mục tiêu và giải pháp thực hiện chủ yếu sau:

1. Mục tiêu chung

Tập trung đầu tư vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, bền vững, đảm bảo quy mô sản xuất tập trung đủ lớn, thực hiện liên kết chuỗi giá trị sản phẩm, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, mở rộng cơ giới hóa, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao gắn với chế biến nông sản. Đẩy mạnh hình thức chăn nuôi trang trại, kết hợp với chăn nuôi gia trại, tăng nhanh tỷ trọng chăn nuôi trong nội bộ ngành nông nghiệp. Khai thác tối đa diện tích mặt nước (sông, suối, ao, hồ) và thủy điện để nuôi trồng thủy sản. Quản lý bảo vệ và phát triển rừng bền vững về diện tích và chất lượng, bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, giá trị dịch vụ môi trường rừng. Phát triển mạnh các hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác, trang trại. Xây dựng nông thôn mới bền vững với cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn hiện đại, đồng bộ.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2024

- (1) Tổng sản lượng lương thực: 226.000 nghìn tấn.
- (2) Chè trồng mới: 330 ha.
- (3) Trồng mới cây ăn quả: 200 ha.
- (4) Tốc độ tăng đàn gia súc: 5%.
- (5) Tổng sản lượng thủy sản: 3.705 tấn.
- (6) Trồng mới rừng: 3.700 ha; Độ che phủ rừng: 52,9%.
- (7) Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước HVS: 91,5%.
- (8) Bình quân tiêu chí nông thôn mới: 15,4 tiêu chí/xã.

3. Nhiệm vụ, định hướng

3.1. Trồng trọt

a) Đảm bảo an ninh lương thực

Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 226 nghìn tấn.

- Tổng diện tích lúa cả năm 31.038 ha, năng suất 48,7 tạ/ha, sản lượng 151.200 tấn trong đó:

+ Lúa đông xuân: 6.785 ha, năng suất 55,86 tạ/ha, sản lượng 37.900 tấn.

+ Lúa mùa: 22.823 ha, năng suất 48,9 tạ/ha, sản lượng 111.500 tấn.

+ Lúa nương: 1.430 ha, năng suất 12,6 tạ/ha, sản lượng 1.800 tấn.
 - Diện tích ngô cả năm 19.819 ha, năng suất 37,7 tạ/ha, sản lượng 74.800 tấn, trong đó:

- + Ngô xuân hè 16.700 ha, năng suất 38 tạ/ha, sản lượng 63.400 tấn.
- + Ngô thu đông 3.119 ha, năng suất 36,6 tạ/ha, sản lượng 11.400 tấn.

b) Cây công nghiệp và cây ăn quả

- Cây chè: Tổng diện tích chè: 10.141 ha, trồng mới 330 ha, diện tích chè kinh doanh 8.259 ha, sản lượng chè búp tươi 56.000 tấn.
 - Cây ăn quả: Diện tích 8.626 ha, trồng mới 200 ha, sản lượng 63.000 tấn.
 - Cây cao su: Duy trì 12.944 ha cao su hiện có; Đưa vào khai thác mủ 11.100 ha, sản lượng mủ cao su khô 11.433 tấn.

3.2. Phát triển chăn nuôi, thủy sản

- Phát triển chăn nuôi: Tốc độ tăng đàn gia súc đạt 5%, tổng đàn gia súc 371.020 con (trâu 93.160 con, bò 24.960 con, lợn 252.900 con); Tổng đàn gia cầm 1.830 nghìn con; Tổng sản lượng thịt hơi các loại 19 nghìn tấn (thịt lợn 11,7 nghìn tấn).

- Phát triển thủy sản: Tổng diện tích nuôi trồng đạt 1.001 ha; Tổng sản lượng thủy sản đạt 3.705 tấn, trong đó: Sản lượng nuôi trồng thủy sản 3.512 tấn; sản lượng khai thác ước đạt 193 tấn.

3.3. Phát triển Lâm nghiệp

- Tỷ lệ độ che phủ rừng ước đạt 52,9%.
 - Trồng rừng mới 3.700 ha, trong đó: Rừng sản xuất 3.500 ha (Quế 2.000 ha, cây lâm nghiệp khác 1.500 ha); Rừng phòng hộ 200 ha.

3.4. Xây dựng nông thôn mới; Nước sạch VSMT

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tập trung duy trì, nâng cao các tiêu chí nông thôn mới. Số xã đạt chuẩn NTM: 39 xã; Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí: 16 xã; Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí: 39 xã; Bình quân tiêu chí trên xã: 15,4 tiêu chí/xã.

- Chỉ tiêu về dân số nông thôn sử dụng nước HVS: Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 91,5%; Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 87,5%.

4. Một số giải pháp chủ yếu

4.1. Trồng trọt

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, đẩy mạnh thâm canh, ứng dụng công nghệ, phát triển các mô hình sản xuất hữu cơ, sản

xuất sạch, nâng cao chất lượng sản phẩm, tập trung vào các loại cây trồng chủ lực của tỉnh đã được xác định để hướng đến xuất khẩu và đẩy mạnh tiêu thụ tại các thị trường ngoài tỉnh góp phần nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, thân thiện với môi trường.

a) Các chỉ tiêu về cây lương thực

- Tập trung chỉ đạo một số giống lúa thuần chất lượng cao để đẩy mạnh cơ cấu theo hướng tăng giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích đất canh tác. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt các cánh đồng tập trung sử dụng 1-2 giống lúa thuần; đẩy mạnh mối liên kết tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp và người dân.

- Thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, để điều chỉnh kế hoạch sản xuất (thời vụ gieo trồng, cơ cấu và diện tích cây trồng), đảm bảo hạn chế tối đa thiệt hại do diễn biến bất thường của thời tiết. Thực hiện đầu tư thâm canh, tăng vụ lúa, ngô ở các vùng có điều kiện.

- Tăng cường dự tính, dự báo và phòng trừ sâu bệnh kịp thời, không để sâu bệnh phát sinh thành dịch, gây hại trên diện rộng.

- Tăng cường đưa cơ giới vào sản xuất tại những vùng có điều kiện nhằm tăng vụ lúa, tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm. Phát triển giao thông nội đồng gắn với cải tạo đồng ruộng, hình thành các cánh đồng tập trung.

- Tăng cường công tác quản nhà nước về lĩnh vực giống cây trồng, thuốc BVTV trên địa bàn toàn tỉnh, nhất là các chương trình, dự án hỗ trợ sản xuất nông nghiệp.

- Thường xuyên tuyên truyền các chính sách hỗ trợ về sản xuất nông nghiệp của tỉnh để người dân biết được và tham gia.

b) Các chỉ tiêu về cây công nghiệp

- Cây chè: Tập trung chỉ đạo đầu tư thâm canh, chăm sóc, diện tích chè đã trồng nhằm tăng năng suất, sản lượng; tăng cường kiểm tra chất lượng giống chè để phục vụ cho trồng chè mới năm 2024; thực hiện tốt quản lý vùng nguyên liệu chè tập trung, tăng cường mối liên kết giữa: Nhà nước - Doanh nghiệp - Nông dân trong sản xuất chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị gia tăng.

- Cây cao su: Tập trung chăm sóc diện tích cây cao su đã trồng, tiến hành khai thác mủ cao su đối với diện tích cho khai thác.

4.2. Chăn nuôi, thủy sản

Phát triển chăn nuôi theo quy mô tập trung, nhất là chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò), đẩy mạnh chăn nuôi lợn quy mô trang trại, gia trại, mở rộng quy mô nuôi trồng thủy sản lồng hồ và nuôi cá nước lạnh với các loại cá có giá trị kinh tế cao.

a) Chăn nuôi:

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, bảo đảm an toàn vệ sinh thú y, an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng trên địa bàn toàn tỉnh.

- Tập trung chăn nuôi đại gia súc, kết hợp trồng cỏ tại những nơi có điều kiện, thông qua các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, thúc đẩy chuyển đổi phương thức chăn nuôi từ tự phát nhỏ lẻ, thả rông sang chăn nuôi có kiểm soát. Chủ động trong công tác phòng chống rét cho gia súc trong mùa đông, làm chuồng trại, dự trữ thức ăn.

- Hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra công tác phòng, chống dịch bệnh động vật của UBND các huyện, thành phố. Xử lý tốt dịch bệnh trong diện hẹp, không để dịch bệnh phát sinh, lây lan trên diện rộng.

b) Thủy sản:

Khai thác hiệu quả diện tích mặt nước hiện có, thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đánh bắt, khai thác thủy sản trên các hồ. Vận động nhân dân cải tạo, nạo vét ao chuông, tu sửa diện tích ao bị thiệt hại, hư hỏng do thiên tai trong năm trước để đưa vào sản xuất.

4.3. Các chỉ tiêu về lâm nghiệp

Tập trung bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, tăng cường khoanh nuôi tái sinh, trồng mới rừng. Thực hiện hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Nâng cao năng lực phòng chống, cháy rừng, đầu tư cải tạo kết cấu hạ tầng phục vụ nâng cao năng lực, chất lượng công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực giống cây lâm nghiệp khi đưa vào thực hiện trồng rừng năm 2024.

- Bảo vệ diện tích rừng hiện có gắn với dịch vụ môi trường rừng. Thực hiện công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng kịp thời, hiệu quả, đúng đối tượng, đúng quy định.

- Đôn đốc, chỉ đạo các Ban quản lý rừng phòng hộ chủ động chuẩn bị vật tư, lựa chọn các loại giống (quế, cây gỗ lớn) có chất lượng để phục vụ đủ nhu cầu trồng rừng năm 2024 đạt hiệu quả đúng thời vụ.

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền bằng nhiều hình thức và nội dung thiết thực nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm thực hiện các quy định của Luật Bảo vệ, phát triển rừng và PCCCR trong cộng đồng dân cư.

4.4. Các chỉ tiêu về nước sinh hoạt VSMT nông thôn

Thực hiện tốt công tác quản lý đầu tư các công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, từng bước xã hội hoá việc đầu tư phát triển và quản lý khai thác sử dụng các công trình cấp nước sinh hoạt.

- Rà soát, đánh giá hiện trạng các công trình nước sinh hoạt hiện có. Tham mưu xây dựng kế hoạch đầu tư tập trung sửa các công trình đã xuống cấp và chỉ đầu tư xây dựng mới ở những địa bàn thực sự cần thiết.

- Phối hợp với UBND các huyện, Thành phố trong công tác quản lý sau đầu tư thực hiện các giải pháp nhằm từng bước khôi phục các công trình hoạt động kém hiệu quả, công trình không hoạt động.

4.5. Các chỉ tiêu về nông thôn mới

Thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huy động các nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng - xã hội vùng nông thôn, tập trung xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển kinh tế du lịch, mỗi xã một sản phẩm,... Tiếp tục củng cố nâng cao các tiêu chí tại các xã đã đạt chuẩn; không ngừng cải thiện cuộc sống người dân nông thôn.

- Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng các tiêu chí đối với các xã đã đạt chuẩn; tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới.

- Huy động tổng hợp, xã hội hóa nguồn lực, ưu tiên ngân sách để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tạo điều kiện tối đa cho nông dân phát triển kinh tế, có tích lũy để tái sản xuất mở rộng và đầu tư phát triển; chủ động phát huy hiệu quả nguồn lực tại chỗ; khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, phát huy vai trò quản lý của các cấp chính quyền về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, phát huy sức mạnh các đoàn thể chính trị xã hội ở nông thôn.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm, ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2023 và xây dựng kế hoạch 2024. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT (b/c);
- TT Tỉnh uỷ, UBND tỉnh (b/c);
- Sở KH&ĐT;
- Đài PT&TH; Báo Lai Châu;
- UBND các huyện, Thành phố;
- Cục thống kê tỉnh;
- Ngân hàng NN Chi nhánh Lai Châu;
- Lãnh đạo Sở;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Trang Thông tin điện tử Sở;
- Lưu VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Châu